

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1970/2023/DS-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhơn

Ông Trần Văn Phú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Nguyễn Hồng An – Thư ký Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2082/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 556/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 436/2023/QĐST-DS ngày 11/9/2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần X

Trụ sở: Tầng T tòa nhà C, số 72 L, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 2000

Địa chỉ: Tầng B, số 24B Đ, phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy ủy quyền số 1835/2023/EIBA/UQ-TGD ngày 23/8/2023.

(Có đơn xin vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị Kim Y, sinh năm 1991

Địa chỉ: 350 T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2020, Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 30/6/2023 và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh N tại bản tự khai và các biên bản hòa giải:

Ngân hàng Thương mại cổ phần X (Từ sau đây viết tắt là “Ngân hàng”) và bà Phạm Thị Kim Y có ký Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 20/5/2020 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Sau đây ghi tắt là

“Hợp đồng”). Sau khi ký Hợp đồng, căn cứ thu nhập của bà Y, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ Visa số VL140027 (4041 5234 8614 0027), hạn mức sử dụng là: 50.000.000đồng, mục đích tiêu dùng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng và sử dụng, bà Y đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán, kể từ sau ngày 16/9/2020 cho đến nay, bà Y đã không tiếp tục thanh toán nợ cho ngân hàng, ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà Y vẫn không thanh toán theo quy định.

Do bà Phạm Thị Kim Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 9 của Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế nên ngày 08/10/2020 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc của bà Y sang quá hạn và đến ngày 02/6/2021 Ngân hàng đã khóa thẻ, chấm dứt quyền sử dụng thẻ Visa số VL140027 (4041 5234 8614 0027) bà Y.

Tạm tính đến ngày 24/8/2023 bà Y còn nợ tổng số tiền là: 107.760.513 đồng. Bao gồm:

- Nợ gốc: 45.955.883 đồng.
- Lãi vay thẻ: 61.004.630 đồng;
- Phí phát sinh: 800.000 đồng.

Lãi tiếp tục tính theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 20/5/2020 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kể từ ngày 25/8/2023 cho đến khi Bà Y thực trả hết toàn bộ khoản nợ.

Án phí do bà Y chịu.

* Bị đơn, Bà Phạm Thị Kim Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Bà Y vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa,

Đại diện của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nhưng có bản trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện và không bổ sung chứng cứ nào khác, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn, bà Phạm Thị Kim Y phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 109.947.088 đồng. Bao gồm: Nợ gốc: 45.955.883 đồng; nợ lãi: 63.191.205 đồng và phí phát sinh: 800.000 đồng. Yêu cầu thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 29/9/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi Bà Y thực trả hết toàn bộ số nợ. Bà Y phải chịu tiền án phí.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay

không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 20/5/2020 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế có cơ sở xác định giữa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim Y có thỏa thuận về việc vay tín chấp và Bà Y đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 108 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải đóng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn khởi kiện Bà Phạm Thị Kim Y - có địa chỉ cư trú cuối cùng tại 350 T, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - đối với việc sử dụng và thanh toán thẻ tín dụng nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ triệu tập Bà Y để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 11/9/2023 và phiên tòa hôm nay nhưng Bà Y vẫn vắng mặt không có lý do. Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh N có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, người đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh N có Đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn là Bà Phạm Thị Kim Y không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu, chứng cứ mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế mà Bà Y đã ký và được Ngân hàng xét duyệt ngày 20/5/2020 có nội dung đề nghị Ngân hàng cấp thẻ tín dụng Visa Gold số VL140027 (4041 5234 8614 0027) có hạn mức thẻ là 50.000.000 đồng, hình thức vay tín chấp. Bà Y cũng xác nhận đã đọc và đồng ý bị ràng buộc nghĩa vụ và chịu trách nhiệm bởi Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng là Đơn vị phát hành thẻ (sau đây gọi là “Bản Điều khoản”). Nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ nêu trên phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật. Ngày 27/5/2020 Bà Y đã ký nhận thẻ tín dụng có số tài khoản thẻ là: 140510501000225.

Theo Bảng chiết tính lãi thẻ tín dụng và bản khai của nguyên đơn, từ sau ngày 16/9/2020 cho đến nay, Bà Y không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên theo thỏa thuận tại Điều 9 của Bản Điều khoản, ngày 02/6/2021 Ngân hàng đã khóa thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số nợ gốc là 45.955.883 đồng là có căn cứ.

Việc Bà Y không thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc và lãi đúng hạn theo thỏa thuận nên Ngân hàng đã khóa thẻ tín dụng, chuyển dư nợ gốc sang nợ quá hạn, tính lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn và phạt chậm trả lãi theo mức lãi suất 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 91 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 và 4 Điều 13, Điều 20 và 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước.

Ngân hàng yêu cầu Bà Y phải chịu lãi phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất thỏa thuận mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Từ những nhận định nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Y phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ phát sinh từ Hợp đồng tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 109.947.088 đồng. Cụ thể:

- Nợ gốc: 45.955.883 đồng,
- Nợ lãi trong hạn: 42.198.289 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 20.825.705 đồng;
- Phạt chậm trả lãi: 167.211 đồng.
- Phí thường niên: 800.000 đồng.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Bà Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.497.354 đồng.

Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.226.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0088951 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 13, 20, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Buộc bà Phạm Thị Kim Y có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số tiền nợ phát sinh từ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 20/5/2020 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế tạm tính đến ngày 28/9/2023 là: 109.947.088 đồng. Cụ thể:

- Nợ gốc: 45.955.883 đồng,
- Nợ lãi trong hạn: 42.198.289 đồng;
- Nợ lãi quá hạn: 20.825.705 đồng;
- Phạt chậm trả lãi: 167.211 đồng.
- Phí thường niên: 800.000 đồng.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Phạm Thị Kim Y còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ quốc tế ngày 20/5/2020 và Bản thỏa thuận sử dụng thẻ tín dụng quốc tế.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Kim Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.497.354 (Năm triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi bốn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.226.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2019/0088951 ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X và bà Phạm Thị Kim Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng

ngộ trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phủ

Nguyễn Thị Nhơn

Nguyễn Kiều Trang

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. B;
- THADS Q. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Trang